

# 嘉定報

## GIA ĐÌNH BÁO

Tờ báo này mỗi tháng Tây cứ ngày rằm in ra một lần ai muốn mua cả năm phải trả 6 góc tư.

Trăng rằm nhâm ng'ý 15, giờ 6 59 phút— Hạ huyền ng'ý 23 giờ thứ 9, 10 phút, ng'ý sóc nh' m ng'ý 30, 0 giờ 41 phút, Thượng huyền ng'ý mồng 7, 10 giờ, 50 phút, rằm nhâm ngày 15, 11 giờ 49 phút.  
Nước lớn đầy mà tại Sai-gòn kể từ ngày rằm tháng 6 Tây cho đến ngày rằm tháng 7 tây.

Ngày	sớm mai	chiều.	Ngày	sớm mai	chiều.	Ngày	sớm mai	chiều.
15 thứ 6 giờ 6	21 phút 6	39 ph.	25 giờ	2 54 ph.	3 giờ 17 pt.	5	8 57 pt	9 29 pt.
16	5 59	6 21	26	3 36	3 56	6	9 53	9 47
17	6 39	7 58	27	4 10	4 28	7	9 45	10 15
18 chúa nhật	7 17	7 38	28	4 39	4 56	8	10 40	11 31
19	8 59	8 14	29	5 13	5 30	9 chs nht.	0 00	0 27
20	8 40	9 22	30	5 42	5 59	10	0 52	1 34
21	9 54	10 30	1 chúa nht.	6 13	6 30	11	2 04	2 30
22	10	11 08	2	6 48	7 07	12	3 03	3 22
23	0 47	0 23	3	7 26	7 46	13	3 56	4 12
24	1 56	1 29	4	8 09	8 32	14	4 47	5 57

### CONG VU

Theo điều nghị ngày mồng 2 tháng septembre năm 1865 quan lớn Nguyễn-Sái phân hạt các huyện sau này: đất-Chợ lớn cùng cả huyện Tân-long thì do quan Tham-biện ở tại Chợ lớn quản.

việc huyện Quan-hóa thì do quan Tham-biện Trảng-bàng; phân việc huyện Ngãi-an thì hãy cho quan Tham-biện ở tại Thủ-đức.

Theo lời nghị ngày 1<sup>er</sup> Juin 1866 quan Nguyễn-Sái nghị lập phân canh chọn người để mà canh giữ các ngã rừng trong địa hạt.

Sẽ đặt một người làm đầu ở tại Cái cũng, còn bốn người phân ở Long-thành, Biên-hòa, Thủ-đầu một, Tây ninh.

Theo lời nghị quan Nguyễn-Sái ngày 1<sup>er</sup> Juin năm 1866, mới thiết lập một ty để mà đi thăm cùng lấy họa đồ trên các ngã đường thượng.

Ti ấy có một ông quan năm, quan ba, quan hai quan một cùng thông ngôn chức việc cả thảy 8 người. một tên lính bộ, bốn tên lính thủy, 7 tên Annam.

### TAP VU

Yết thị cho dân đảng biết; có một ít người Mên tới ở trong địa hạt nhà nước, nhờ nhà nước báo hộ cho, bây giờ nó trở lòng làm giặc, thì nhà nước chẳng có lẽ mà không làm tội nặng cho nó. Nó đã ăn nhờ của nhà nước mà làm giặc vậy thì tỏ ra nó là cầm thú chẳng phải là người ta.

Các làng xã chớ nghe lời quân ăn cướp lấy những đều báo không thiệt giặc dân làm phản, mà phải tai hại lấy.

Có phải yên thì là hơn, có phải năm ngoài không đặng thì ai bực, an nhàn, có phải bây giờ không đặng phép công bình cùng phép che chở! thế thì dân càng ng'ý càng đảng giặc có phước lộc.

Vậy những quân d'ị d'ột muốn làm loạn, muốn bắt chước theo quân hoang, ta cứ phép đây nó ra đại hải cho nó gặp anh em nó ngoài ấy.

Yết thị đình ngày mồng ba tháng 6 giờ thứ bảy ban mai tại kho ống ki lục M-tho sẽ giỗ giá cho người ta lính mua bỏ n'p tại M-tho từ ngày mồng một tháng septembre năm 1866 cho đến ngày 31 tháng decembre năm 1867. Ai muốn biết điều ước, tại Sai-gòn phải tự nơi kho s.n. tại M-tho phải tới ống ki lục ở tại đó, lính ra mà coi.

Chiều ngày hai mươi tháng tư có chiếc tàu chiến nước I-ta-lie đến tại Sai-gon lần sùng chào cờ Pha-lausa cùng mừng Quan-Nguyễn Sái.

Tàu này vào đây cho được mua các đồ cần dùng rồi chạy qua Nước nhật bèn cho được làm tờ giao kết về sự buôn bán.

Ngày mười tám tháng tư tàu Monge chạy qua Nước hai mươi hai tháng tư.

Ngày mười tám tháng tư có chiếc tàu nhỏ Hồng mao vào cửa Sai-gon tàu này từ hồng kông cho tới đây hết bảy mươi sáu ngày, nên hết đồ ăn, vào đây cho được mua đồ ăn rồi chạy qua Phô-môi

Ngày mồng nam tháng Juin buổi mai giờ thứ sáu có bốn sùng một tên lính tây tên lính này đã bỏ cơ đội mà đi theo quân giặc cùng quân ăn cướp.

Nói về sự đây ụ tàu.

Ngày 16 tháng mai, là ngày thứ sáu quan đình đây ụ tàu xuống nước ( Bầy lâu nay người ta thường kêu là thủy thành ) ụ tàu này đã làm hơn hai năm nay, khi đã

xong, thì có ý đầy sáng ngày sớm theo con nước rông, đầu vảy mạc lòng sáng ngày tung bùng thầy người ta đã kéo nhau đến coi đồng quả sức ăn mặc trọng thể đầu quần làm việc cùng vậy, trong lúc ấy các quan lớn nhỏ, lính tráng cũng đến coi hết, quan Nguyễn-Soái cùng vợ

con người cũng đến coi nữa; mà thiết sự đầy cái ụ này xuống nước người ta coi đồng làm cũng như một ngày lễ rất trọng thể; cho những người Annam trước khi thầy công việc làm thì lấy làm lạ lùng quá sức mình; mà nếu những người đời xưa còn lại thầy công việc này cũng lấy làm lạ lùng làm nữa.

U tàu này rất có ích, vì cho được sửa những tàu đã lâu năm mà hư, cho nên những người coi làm việc này thì sẽ được danh tiếng lắm.

Xin ai này coi truyện này thì phải biết sự đời trả chùng hề thắng được sự thật bao giờ:

Có một người kia cỡi ngựa đi đàng xa, liền gặp một người khác cũng cỡi ngựa đi, nhưng mà ngựa người này thì tốt và mạnh hơn; bây giờ người nọ nói cùng người này tôi muốn đổi ngựa tôi cho anh, người này thưa tôi không muốn; mà bởi người kia có khí giới cùng mạnh hơn thì ép cùng bắt ngựa người này đi; vậy người này theo sau cho đến thành kia, khi cả hai vào nghị trong thành ấy thì người mất ngựa đến cáo cùng quan xét; vậy quan xét đòi người kia cùng đem con ngựa tới, thì thăng bị cáo nói người kia nói dối vì con ngựa này nó nuôi từ nhỏ cho đến lớn.

Vậy quan xét không biết xử làm sao vì không có chứng cứ gì, thì dạy đuổi cả hai ra ngoài, khi ấy người mất ngựa tức mình cỡi áo mình ra trùm lấy đầu con ngựa mà thưa với quan rằng: nếu người ấy nói ngựa mình nuôi từ khi nhỏ cho đến lớn, thì xin quan hỏi người ấy; ngựa này có vẩy cá con mắt nào; thì người kia sợ người ta nghi thì lật đật trả lời, bên con mắt hữu; đoạn người ấy đỡ ra mà nói rằng: mắt hữu cũng không mắt tả cũng không thì xin quan dạy làm sao? quan xét thấy lẽ rất mạnh cùng khôn ngoan thì biểu người kia trả ngựa cho người nọ lập tức:

Joannes Liệt.

Có nhiều người nói vì thuế nặng cho nên dân trong ba tỉnh phải nát, không sung như buổi trước.

Đều ấy phải xét, chớ phải vì dân nát, mà đoán ngay rằng lại thuế nặng. Số là dân đây cũng có như vì giặc gia trộm cướp mà phải điêu tàn, kẻ bỏ nhà, người mất đất, song từ hai nước hòa hòa rồi, dân sự cũng đã có hồi phục, bởi đó số dân tịch năm nay sung hơn số dân năm ngoài, gần y như số dân buổi cựu trào.

Vả lại bây giờ đã rộng phép buôn bán, dân bốn phương lại Vân cũng đông, đất đai mở mang nhiều người làm ruộng nương nghề nghiệp, lẽ thì dân sung hơn, có lẽ đầu mà lại nát; song cũng không vì sự dân sung hơn, mà chắc rằng dân không nát; vì từ cựu triều cho đến nay, thường có dân lộn ngu, bây giờ nhờ phép quan Pha-lang-sa làm ki lạng xả đem dân lập làm dân bộ, cho nên dân thêm số thì cũng vì lẽ ấy, chẳng phải vì một sự dân hồi phục mà thôi sao.

Còn sự thuế, bây giờ dân được đóng chiếc sắc khỏi bề chuyên chở, thì cũng là một điều nhẹ, thuế không phải theo giá chợ cũng là hai điều nhẹ, khỏi lẽ mông năm ngày tét ra mắt tàn quan cũng là ba điều nhẹ.

Song bởi dân sự có nhiều người ngoan ngoãn, còn muốn đều lo, không quyết lòng ăn ở, không lo lập gia cư, những du thủ du thực, đến lúc thu thuế, thì không có gì mà đóng, cho nên kêu van rằng nặng, chẳng khác trong nhà mình nghèo chật hẹp có một quan cấm b'ng hai ba quan, món rế cấm bằng món mắt, còn nhà giàu

rộng rãi, có một trăm xem bằng một chục, món mắt xem như món rế.

Vả lại bây giờ làm công một ngày được tiền bằng hai ba buổi trước, như thiết vật hạng đều hạng quý giá hơn, số di quan thuế đánh lên một thì cũng là tùy theo nhơn công vật giá, sau hết có nhiều người trong chức việc cùng trong tổng lý hay dụng tinh yếu sách, ăn dân đủ thể, cho nên quan thuế ra nặng, thì cũng có duyên cớ vậy.

P. Của

Người ta tính mỗi ngày có ba ngàn người tới mức nước tại mạch Tham miên, An-nam, Chệt khách, Chà-và, Mọi, Cao-mên, đủ các sắc người dốt nát cùng dị đoan. Tới đó che chòi, che trại, xúm xít chật đất chật đai, có hát bội đờn thối mỗi đêm nghe tiếng om sòm, cộp nghe cũng không dám tới gần. Kề cũng tiền bạc người cùng đồ ăn, giao cho người làm chủ mạch ấy cùng thôn trưởng làng sở tại phụng thờ, đốt nhang khói, giầy tiền, vàng bạc khăn vải, rồi thì uống nước; mà nước thì vậy cho nổi bùn nổi đất lên cho ngà ngà đục đục rồi mới uống, làm vậy mới thần hiệu. ở tại mạch nước được một đôi ngày rồi, lúc về thì đem nước về hoặc để còn uống nữa hoặc để bán cho người ta dưới Sai-gòn, gọi rằng là nước thần tiên hiệu nghiệm.

Có một người các chú ở trong chợ lớn hát nha phiến đã hơn 10 năm muốn bỏ mà bỏ không được, lão ấy cầu khẩn cùng thần qui xin cho được, ông Bồn hiệu ra biểu lão phải đi lên mạch Tham miên mà uống nước, thì sẽ bỏ nha phiến. Chú chệch vung lỏi đi uống nước mạch ấy liền có hiệu nghiệm, chẳng sai.

Có một người đờn bà ở làng An-thạnh ho thỏ huyết đã lâu năm, ốm o gầy mòn, nằm mà chớ chột, có một ông thầy sai biểu mẹ ấy đi uống nước mạch Tham miên, mẹ ấy nghe lời đi uống nước ấy nội trong hai ngày thì lành bệnh. Mẹ ấy đem một đôi vàng ném dưới mạch ấy, cho dâng tạ ơn ông thần mạch. Nghe ra ông thần mạch cũng lấy làm bằng lòng lấy mất đôi vàng, chẳng ai lấy được đôi vàng ấy.

Có một thầy sai ở gần Thị tỉnh đoán rằng mạch Tham Miên có phép mà trừ cộp, chẳng ai còn phải sợ cộp, mà thiết từ có mạch nước ấy, cộp chưa hề ăn ai.

Có một người cảm nói được, mà tôi cũng chưa thấy, người ta nói quả quyết nó là lời cũng như đũa diềm.

Có một thùng diềm ở gần mạch nước thì nghe tiếng nhạc rõ ràng, song lúc nó xa mạch nước, thì chẳng nghe gì nữa.

Có một người đờn bà diềm, uống nước mạch ấy liền hết diềm, người Annam nói nó có tà quỉ, nó uống nước vào, tà quỉ ngọt nước bỏ nó mà đi, nên nó hết diềm.

Các chuyện ấy là chuyện các người đang lợi vì mạch nước bày đặt, mà bởi người ta hay tin dị đoan lấy các chuyện ấy làm làm thật, chẳng nghe lời can gián, trừ có một khi theo mạch nước mà uống hoài, bệnh hoàn bịnh không thấy hiệu nghiệm, thì mới thôi.

Vì mạch nước này chợ Phú cường cũng đang lợi nhiều, vì những người đi mức nước thì đều qua lại mna đồ ăn tại chợ ấy, lại người ta nói về uống nước mà muốn cho có hiệu nghiệm, phải ở tại mạch nước năm bảy bữa thì mới có hiệu nghiệm, vì đều ấy thì người Phú cường càng được lợi nhiều hơn.

Từ một ông thầy thuốc gởi cho quan thượng thư nói về phép làm thuốc cho trâu.

Lúc ông quan thầy thuốc này đi khám về việc canh nông trong miêng Gò-công, thì nghe người ta nói trong miêng ấy, nội năm ngoài trâu chết toi hết nhiều, trong mười phần hao hết năm. Nhờ quan tham biện xứ ấy cùng nhiều người Annam, ông ấy học dạng nhiều phương

pháp đề trong lúc có dịch mà cứu trâu cho khỏi chết toi, hoặc làm cho nó bớt chết vì bệnh ấy.

Vậy ông ấy kể lại một hai điều về chứng bệnh ấy cùng cái nghĩa nguyên do bệnh ấy như sau này.

Tháng năm năm ngoái trâu miêng Gò-công mắc toi nặng lắm, hề mắc lấy chứng ấy thì phải chết tươi cứu không kịp.

Trâu đang mạnh mẽ liền biến sắc râu rì, bỏ ăn; bỏ uống, gục đầu xuống, cả và mình run rẩy, nước mồm nước miếng cùng nước mắt tuôn ra ròng ròng, bắt la chày ngay, hôi thúi, rồi thì phải ngã không dậy được nữa, nội trong 24 hay là 28 giờ thì chết, khi gần chết, thì thấy một đôi chỗ rút gân lại.

Ấy bệnh thể nó độc lắm vậy mà nói được rằng nó không hay lây, bởi vì người Annam hay ăn thịt cùng lột da trâu chết toi, miếng ăn, tay đã đến mà không hề gì, cũng không tưởng là độc. Đá hay rìng nó không lây gập, nhưng mà chắc tính độc nó hấy còn, như lẽ nói đàng sau xa.

Bệnh ấy phát từ nơi tùy theo phong thổ cùng cách nuôi dưỡng, mỗi năm mỗi có, nhưng mà có khi có ít không ngờ là dịch, mà khi có nhiều như năm ngoái, thì trâu hao nhiên hơn, đến đôi không đủ trâu mà làm ruộng.

Thường các đồng ruộng hề mùa mưa thì nước ngập mà mùa nắng thì khô, không có cỏ tươi, trâu ăn những gốc rạ.

Trong mây đồng nước mạn như là miêng Gò-công, người ta hay chứa nước ngọt phong đầy để dành, qua mùa nắng mà uống, có cho trâu bò uống thì cũng nhưn nhúc, không dám cho uống nhiều, dẫu làm sao trong lúc không mưa trâu bò chịu cũng đặng, bởi vì nó còn gập được trong rạch ngoài nhiều chỗ mà năm vùng là đến cần kíp cho nó, song vì lẽ ấy thì chẳng có điều gì làm cho nó khỏi bệnh đặng.

Càng bớt nước chừng nào thì trâu bò càng sốt bức, càng phải kiếm tìm cách thể mà làm cho bớt nóng, kớt những chứng bệnh hay sanh đầu mùa mưa hay là trong lúc dọn làm mùa màng, mưa xuống rồi lại dứt đi một đôi tháng, thường mỗi một năm hề giữa tháng năm tháng sáu tây thì hay có hạn làm vậy.

Hễ mới mưa xuống rơm rạ, cỏ khô dăm lẩy, thì phải thúi mục, lại trăm ngàn vật chết khô trên đất, thì nát bầy hóa ra khí độc cất lên trên không, tới lại hiệp với mù sương sa xuống trên cây mà làm cho cây cỏ phải hư.

Sớm mai mờ công thả trâu ra đồng, thì chẳng cho nó ăn sự gì trước, nó phải ăn những sảng cỏ thể ấy là vật tự nhiên trên đất mà thối, mà loài sảng cỏ có một khi mưa thì mới có mọc.

Bởi đó cho nên đề hiểu cách ăn uống độc địa làm vậy thì hay phá khí huyết cùng hay sinh bệnh hoạn. Mà mỗi năm đều phải làm vậy, thì cũng hiểu đặng bệnh ấy, mỗi năm mỗi phục phát, khác nhau có một điều bệnh nhiều bệnh ít mà chớ.

Trong lúc gạt hái rồi người ta cũng hay thu rơm rạ để mà cho trâu ăn trong mùa ấy; song làm chẳng kĩ, không phân biệt thứ nên, thứ hư, chông đồng bầy bạ xô nhà, có nước có mưa thì để thâm vào mà làm cho rơm rạ phải hư, quá hơn là thứ rạ ngoài đồng, bởi đó trâu bò ăn lấy thì phải bệnh.

Ấy là tính cố đề mà cái nghĩa nguyên bệnh, cũng hay làm cho trâu bò phải bệnh. Lúc bình thường nó phục sẵn, chờ khi có nắng hạn thì nó mới phát, khi ấy nước mưa chừng ra khí, đất ướt lại hóa ra khô, rơm rạ mắc mưa mục ướt có nắng thì cũng khô lại hóa ra bụi bụi lại trăm ngàn vật chết đều hủ mục thành khí độc cất lên hiệp theo mù sương, mà mù sương trong lúc nắng hạn làm vậy thì có nhiều. vậy cả mây thứ khí độc liệp lại với mù sương sa xuống trên cây cỏ cho trâu bò ăn.

Còn một điều nữa là người annam hay đào hố đào ao

chứa nước mưa cho trâu bò uống, nước ấy trừ lâu ngày cũng có khí độc lộn vào hóa ra thúi hôi, trâu bò uống lấy cũng phải hiểm nghèo; ấy là tích cố làm cho trâu bò phải bệnh mỗi năm mỗi có, mà người An-nam không hay dùng cách thể mà trừ nó cho bớt.

Vậy những cách thể ấy bất luận trong đất annam dẫu trong đất tây cũng làm một thể; những người có trâu bò phải trừ rơm rạ trong lúc gạt hái cho đủ mà nuôi trâu bò trong lúc hiểm nghèo làm vậy; mà những rơm rạ thì phải để cho có cây cỏ đông đầy điếm từ tễ cho khỏi nước khỏi mưa; phải làm chuồng cho tốt cho nó nằm, sớm mai trước khi thả ra khỏi chuồng, thì phải cho nó ăn cỏ khô rơm khô đỡ lòng, đến khi ra đồng phải đợi cho có nắng ráo mù sương thì hãy cho nó ăn, song làm sao cây cỏ cũng không hết khí độc.

Có một cách làm cho bớt khí độc là những rơm cỏ khô trong chuồng phải rưới nước muối, vì muối hay làm cho vật ăn hay tiêu, lại ngự đặng khí độc trong cỏ;

Bên tây có thói quen bỏ muối vào bao cho đầy để cho bò liếm trong lúc ban đêm, chắc loài trâu

cũng ăn một thể như bò, vậy dùng cách thể này thì có ích riêng cho nó, trong khi có toi dịch làm vậy, như nấu cháo khoai lang bỏ muối cho mạn cho nó ăn thì có ích cho nó lắm; những rơm rạ cho trâu ăn thì độc trong một lúc mà thôi, các chủ trâu phải đợi trừ rơm rạ cho trâu bò ăn; có đem nó ra đồng, thì phải giục nó đi cho mau, chớ để cho nó ăn dọc đàng, như vậy mới được khỏe trâu; có cho đi ăn làm vậy thì phải chờ nhứt là quá ngộ, từ giờ thứ hai cho đến giờ thứ sáu, vì trong mây giờ ấy như không có mưa, thì cỏ khô không phải hiểm nghèo như buổi sớm mai, phải chờ cho ráo mù sương cho trâu xuống rạch n' m nước một ít lâu.

Ấy là cách nuôi trâu bò cho tốt :

Còn cách cho trâu uống nước thì khó nói hơn, nếu trong đất này có giếng tốt cho trâu uống thì chẳng phải nói gì, khi ấy trâu bò cũng được một thể như người ta mà bởi chẳng được làm vậy phải tìm cách thể mà sửa tính nước cho ra tốt ấy là đến khó cho người annam vì không có người mà giúp mình trong việc ấy như bên tây.

Như nước hư đi không đặng tốt, thì gia một thí nước chua mà làm cho nó mất độc, nên dùng giấm mà làm phép ấy, nếu người Annam không có thứ giấm như ta thì cũng nên dùng thứ nước giấm làm bằng mía cùng nếp than; phải chẻ vào nước cho nó chua một thí, ấy là cách biểu chung, như người Annam có thứ nước chua gì khác, thì nên dùng mà đường loài vật.

Lại còn một phép nữa là nung sắt cho đỏ mà nhúng vào nước đá hư thể ấy, thì cũng có sức mà làm cho nó nên tốt; hoặc đổ nước vào ghè lầy than mà đánh vào trong ấy, thì cũng làm cho nước bớt độc.

Các chỗ mình chứa nước thì chớ có nước mưa chày lộn vào; phải làm nhà cho cao mà che phía trên đưng cho nước mưa đổ xuống, bởi vì mây chỗ mưa đầu thì hay quên nhiều thứ khí độc.

Ấy nói về mây xứ đất ruộng mà thôi, còn mây nơi đất giồng, như Gò-váp, Trảng-bàng, Tây-ninh, Thủ-dầu-một, Bà-ri-a, Biên-hòa, thì không có như mây đều đã nói trước.

Bởi vì mây xứ đất cát không hay khô như đất sét, đất ruộng, nó nhờ những cây cối rào giậu mà được ым, lại mây xứ đất giồng, đất cát thì có nhiều nơi sùng thấp tự nhuận, nước ao nước giếng không hay hư, mây xứ ấy đã được cao ráo, mà nước lại tốt, không hay sinh bệnh hoạn; vả lại cây cỏ cũng đặng thanh mậu, trâu bò ăn uống không hay mắc bệnh.

Phải lo mà nuôi dưỡng trâu bò cho kĩ, khô táo làm cũng không tiện, mà ướt thấp cũng không đặng, muốn cho trâu khỏi bệnh khỏi hao, thì phải giữ mấy điều đã nói trước. Khi rơm rạ đã hư mục rồi, thì không nên cho trâu bò ăn, chủ trâu phải thu rơm rạ hầy còn tươi tốt, gạt ròi trong một tháng nó hầy còn tốt, che

đầy cho khỏi mưa khỏi nước cho đủ cho trâu ăn.

Không lẽ không thả trâu ra đồng được, nhưng mà phải có ý, trước khi mưa cũng phải cho nó ăn cỏ khô để lòng trước, còn khi ra đồng thì phải đợi cho ráo mù sương hãy cho nó ăn.

Phải giục nó đi cho mau đừng cho nó đọc đàng kéo nhằm phải cỏ độc.

Mỗi lần cho trâu ăn trong chuồng, cũng nên rưới nước muối vào rơm rồi sẽ cho ăn, lại cũng nên bỏ muối vào bao cho đầy để cho nó liếm.

Chú trâu cũng phải cho trâu ăn cháo khoai lang hay là ở gần theo mé rạch trồng cỏ tươi đàng, thì cũng nên cho nó ăn, làm vậy cũng có lẽ mà làm cho trâu bớt bệnh.

Còn sự cho uống, như nước không dưng tốt, thì phải chắt giảm vào một thí, hay là trước khi cho nó uống thì nướng sắt cho đỡ nhúng vào nước, rồi sẽ cho uống.

Đựng nước vào ghè đánh than vào thì cũng có sức mà làm cho nước mát dộc; vậy phải bỏ than vào vậy nước rồi sẽ cho trâu uống.

Những cách thế ấy thì người Annam không có quen, song nó có sức mà ngự chứng bệnh đã nói trước; ở bên tây trong lúc cổ chứng bệnh làm vậy người ta dùng những phép ấy, thì có hiệu nghiệm lắm.

Vậy khi thấy bệnh ấy phát ra đầu thì nên dùng các cách ấy mà cứu lấy trâu bò, chớ khà vì cách mới lạ mà khinh dể; nhất là trong đầu mùa mưa phải lo mà cứu trâu trong lúc chưa bệnh, hoặc là làm cho bớt bệnh trong lúc đã phải bệnh.

An một ông thầy dạy học.

Trong truyện bèn Tàu nói có một ông nhà giàu có hai người con còn nhỏ, lúc ông ấy phải đi xa đàng, thì kiếm một ông thầy, phủ thác cho ông thầy dạy dỗ hai người con ở nhà.

Lúc ông nhà giàu đi rồi, lão thầy chằng giữ lời kị thác, chuyên quyền làm hung dữ, xa những người tốt, không cho ở trong nhà, k'ò mà bày chuyện xấu l'ò ra, đuổi mấy người tới tớ trung nghĩa với chủ nhà, để l'ò ấy ngang dọc một mình. Người ta thấy đều tặc làm vậy, thì đi nói lại với ông chủ nhà, mà ông chủ nhà không muốn tin, bởi vì bụng dạ ông ấy tốt, không dò người ta làm được đều xấu như vậy.

Như l'ò thấy này dạy con ông nhà giàu đặng một hai đều phải cùng đặng một hai đều khôn ngoan, thì việc l'ò ấy làm hãy còn nửa xấu nửa tốt, song bởi l'ò ấy chằng có tài đức gì, l'ò làm cho học trò hóa ra dốt nát, gian giảo hung bạo, luông tuổng, xác xược chằng biết chi là lẽ nghĩa.

Một năm n'êm ông nhà giàu trở về mới biết sự người ta nói với mình là sự thiệt, song đã muộn quá ch'ng biết làm sao đặng, tính co một việc đuổi l'ò thầy ấy đi mà thôi. l'ò thấy không biết xấu, bị tới quan mà kiện cho được đòi tiền công, quan đòi ông chủ nhà tới mà hỏi, ông chủ nhà thưa rằng: nếu l'ò thầy xấu này dạy con tôi cho đặng mấy đều thì nhiên theo Thiên-hạ, tôi sẵn lòng mà trả tiền công mà lại trả bằng hai cho l'ò ấy, song xin quan xem hai đứa con tôi ra thế nào thì đủ biết. Ông quan tra hỏi hai bên, biết đủ tình hình rồi, thì làm án thế này: l'ò thầy dạy học mà tội giết học trò, ta làm án cho phải chết; còn người cha thì phải phạt ba năm vắng, không phải tại chọn thầy xấu, bởi vì ai này cũng l'ìm được, là tại mình bất lực để nuôi thầy xấu bấy lâu, không lo mà đòi thầy khác, nhất là phải đều ích lợi cho nhiều người.

P. Của.

Gia chợ Tây-ninh.

Gạo một vương, năm quan. Lúa một vương, hai quan năm. Trâu tốt một con, một trăm một. Trâu, xâu, ốm, năm chục. Bò xe một con, bảy chục hay là 100. Bò thịt một con, bốn chục. Muôi một vương, một quan năm.

Giá chợ Saigon.

Gạo một vương, năm quan. Bông một tạ, bốn mươi, hay là 38 quan. Mắm một tạ, năm đồng rưỡi. Đường một tạ, chín chục. Bạc một đồng, năm quan ba.

Giá hàng tại Phước-lộc.

Gạo một vương bốn quan 5 tiền, muôi một vương một quan 5 tiền. Đường cát một cân một quan 2 tiền. Đường l'è một ghè một quan 2 tiền. Mắm đồng một cân hai quan 5 tiền. Mắm biển một cân một quan 2 tiền. Thuốc l'ò mười lăm hai mươi quan 5 tiền. Dầu phộng một tó 6 tiền. Thịt heo một cân 8 tiền.

Trâu một con 150 quan. Giấy hát thuốc mười 5 quan. Vải xanh một thước 6 tiền, 30 đồng. Vải trắng một thước 5 tiền rưỡi. Vải đỏ một thước 4 quan. Trà một cân 3 quan. Trà huê một cân 3 tiền.

Giá chợ tại Sai-gon

Gạo một tạ, một đồng bạc và một quan. — Bông nửa tạ, sáu đồng bạc. — Mắm một tạ, năm đồng rưỡi. — Dầu một tạ, bốn đồng bạc. — Đường tốt một tạ, chín đồng. — Dầu bạc năm quan năm tiền.

Giá chợ tại Phú-cường

Gạo một vương, bốn quan tư. — Vịt một con, một quan năm. — Gà một con, tám tiền. — Thịt heo một cân, bảy tiền. — Trứng gà một chục sáu tiền. — Trứng vịt một chục tám tiền. — Đường cát một cân, một quan hai. — Đường l'è một chục ghè, mười quan. — Lúa một cây ba mươi thước, bốn chục quan. — Vải Annam một cây, sáu quan. — Dầu trắng một vương, năm quan. — Dầu xanh một vương, sáu quan. — Dầu đen một vương năm quan. — Kén một tạ, bốn chục. — Dầu chai một tạ, sáu mươi lăm quan. — Cá khô một tạ, mười lăm quan. — Muôi một vương, tám tiền. — Sáp một cân, bốn quan. — Thuốc bánh một chục bánh, một quan năm. Thuốc lá một trăm lá, một quan năm. — Chai một tạ, mười lăm quan. — Bò thịt một con, bốn chục. — Trâu cây một con, một trăm.

E POTTEAUX kể làm nhật trình.

Nhà In, — Sai-gon.